

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 07 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng thuê
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC-TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí;

Ông Đặng Văn Vững;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2024, đến ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024; về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Hữu P, sinh năm: 1957; Cư trú tại: Số A, đường N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1972; Cư trú tại: Tổ A, ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lưu Hữu P trình bày: Ông P đứng tên chủ sở hữu phương tiện số đăng ký SG 9743, cấp phương tiện: VR-SH, công dụng chở hàng trên boong đã được Sở giao thông vận tải Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội bộ cho ông Lưu Hữu P ngày 16 tháng 02

năm 2023. Ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa ông Lưu Hữu P với ông Huỳnh Văn N có ký hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS, ông P cho ông N thuê phương tiện (thiết bị Sà lan boong) SG 9743, với giá 35.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 12 tháng, thanh toán tiền thuê 02 tháng sau khi ký hợp đồng, trả tiền thuê đầu tháng theo hợp đồng. Ông N không được để nước vào Sà lan, không được phép đưa Sà lan vào vùng nước mặn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê ông N đã vi phạm nội dung hợp đồng như: Không thanh toán đầy đủ tiền thuê hàng tháng, đưa phương tiện SG 9743 vào vùng nước mặn và cho bên thứ ba là Công ty Cổ phần X1 (Công ty X1) thuê lại với giá 65.000.000 đồng/tháng, không có sự đồng ý của ông. Do ông N vi phạm thỏa thuận nên ông không cho ông N thuê tiếp, tháng 9 năm 2023, ông đã tự hủy hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS. Ông P có yêu cầu ông N đưa phương tiện SG 9743, về trả cho ông nhưng ông N không thực hiện nên cuối tháng 9 năm 2023, ông tự thuê phương tiện kéo Sà lan SG 9743 của ông tại Cảng L tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (ở biển nước mặn) về với số tiền 20.000.000 đồng.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2023 cho đến ngày 06 tháng 9 năm 2023, ông N đã thanh toán cho ông P được số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 13 tháng 3 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 30.000.000 đồng, ngày 28 tháng 4 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 35.000.000 đồng, ngày 19 tháng 6 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 30.000.000 đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 20.000.000 đồng và ngày 06 tháng 9 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 35.000.000 đồng, từ đó cho đến nay ông N không còn thanh toán cho ông.

Căn cứ vào hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS ngày 10 tháng 3 năm 2023, ông N đã vi phạm hợp đồng. Theo khởi kiện ban đầu là ông Lưu Hữu P yêu cầu ông Huỳnh Văn N thanh toán cho ông P số tiền thuê 06 tháng (tính từ khi ký hợp đồng cho đến cuối tháng 9 năm 2023) X 60.000.000 đồng/tháng (tính giá theo ông N cho Công ty X1 thuê lại) = 360.000.000 đồng – 150.000.000 đồng = 210.000.000 đồng + 20.000.000 đồng. Đồng thời, ông Lưu Hữu P còn yêu cầu ông Huỳnh Văn N phải trả cho P số tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền với lãi suất tính từ cuối tháng 6 năm 2023 đến cuối tháng 12 năm 2023 là 13.800.000 đồng (230.000.000 đồng X 1%/tháng X 6 tháng = 13.800.000 đồng).

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông P chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn N phải thanh toán cho ông P số tiền thuê 06 tháng X 35.000.000 đồng/tháng = 210.000.000 đồng – 150.000.000 đồng = 60.000.000 đồng + 20.000.000 đồng. Đồng thời, ông Lưu Hữu P còn yêu cầu ông Huỳnh Văn N phải trả cho P số tiền lãi phát sinh do chậm trả với số tiền 60.000.000 đồng từ ngày 07 tháng 9 năm 2023, cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng.

Ngoài ra, ông P còn yêu cầu ông N phải bồi thường cho ông P số tiền thiệt hại là 200.346.000 đồng, do Sà lan SG 9743 bị hư.

Bị đơn ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án thực hiện phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lưu Hữu P.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, đưa ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Theo thỏa thuận trong hợp đồng, trong thời gian thuê thiết bị, bên B (bên thuê) phải đảm bảo chịu mọi trách nhiệm về việc bảo quản thiết bị. Trường hợp thiết bị hư hao trong thời gian thuê thì bên B phải tự tu bổ. Bên A có toàn quyền và thu hồi thiết bị cho thuê trong mọi tình huống. Bên B có trách nhiệm bảo quản không để nước vào trong xà lan, không được phép đưa xà lan vào vùng nước mặn và phải hoàn trả thiết bị như trạng thái ban đầu cho bên A. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê thì ông N đã vi phạm không thanh toán đầy đủ tiền thuê hàng tháng, đưa phương tiện SG 9743 vào vùng nước mặn. Do ông N vi phạm hợp đồng nên ông P đã hủy bỏ hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS và thuê phương tiện kéo Sà Lan SG 9743 về là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hữu P.

Về án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Hữu P đối với bị đơn ông Huỳnh Văn N, cư trú tại: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu: Đây là tranh chấp hợp đồng thuê tài sản giữa ông Lưu Hữu P với ông Huỳnh Văn N vẫn còn thời hiệu được quy định tại Điều 184 và 185 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án thông báo hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông N là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, ngày 10 tháng 3 năm 2023, ông Lưu Hữu P với ông Huỳnh Văn N có ký hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS, ông P cho ông N thuê phương tiện (thiết bị Sà lan boong) SG 9743, với giá 35.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 12 tháng, trả tiền thuê đầu tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông N không được phép đưa

X lan vào vùng nước mặn, thanh toán tiền thuê đầy đủ hàng tháng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê thì ông N đã vi phạm không thanh toán đầy đủ tiền thuê hàng tháng, đưa phương tiện SG 9743 vào vùng nước mặn. Do ông N vi phạm hợp đồng tại khoản 4.1 Điều 4 hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận nên ông P không cho ông N thuê tiếp, cuối tháng 9 năm 2023, ông P đã hủy bỏ hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS, ông P đã tự thuê phương tiện kéo Sà Lan SG 9743 tại Cảng L tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về cho ông P với số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 423 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Theo thỏa thuận giữa ông P với ông N giá thuê phương tiện Sà lan SG 9743, với giá 35.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 12 tháng. Ngày ký hợp đồng là ngày 10 tháng 3 năm 2023 đến ngày 13 tháng 3 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 30.000.000 đồng, ngày 28 tháng 4 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 35.000.000 đồng, ngày 19 tháng 6 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 30.000.000 đồng, ngày 09 tháng 8 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 20.000.000 đồng và ngày 06 tháng 9 năm 2023 ông N thanh toán chuyển khoản cho ông số tiền 35.000.000 đồng. Như vậy, ông N đã thanh toán tiền thuê cho ông P được số tiền 150.000.000 đồng.

[2.3] Theo khởi kiện ban đầu ông Lưu Hữu P yêu cầu ông Huỳnh Văn N thanh toán cho ông P số tiền thuê 06 tháng X 60.000.000 đồng/tháng $= 360.000.000$ đồng $- 150.000.000$ đồng $= 210.000.000$ đồng $+ 20.000.000$ đồng. Đồng thời, ông Lưu Hữu P yêu cầu còn ông Huỳnh Văn N phải trả cho P số tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền với lãi suất tính từ cuối tháng 6 năm 2023 đến cuối tháng 12 năm 2023 là 13.800.000 đồng ($230.000.000$ đồng X 1%/tháng X 6 tháng $= 13.800.000$ đồng).

Tuy nhiên, trong hợp đồng thuê tàu đầy và phao 870 tấn ngày 22 tháng 7 năm 2022, ký giữa bên thuê Công ty X1 có đại diện ông Cao Xuân Đ với bên cho thuê ông Huỳnh Văn N, địa chỉ cụ thể của ông Đ và Công ty X1 không biết nên tại phiên tòa ông P chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn N phải thanh toán cho ông P số tiền thuê 06 tháng X 35.000.000 đồng/tháng (tính giá theo hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS) $= 210.000.000$ đồng $- 150.000.000$ đồng $= 60.000.000$ đồng $+ 20.000.000$ đồng.

[2.4] Do phương tiện Sà lan SG 9743 của ông P bị ông N tự ý đưa vào vùng nước mặn, đã bị ông P tố giác đến Đoàn biên phòng L thuộc Bộ và đã được Đoàn biên phòng L lập biên bản ghi lời khai ngày 25 tháng 9 năm 2023. Do phương tiện Sà lan SG 9743 của ông P bị ông N tự ý đưa vào vùng nước mặn dẫn đến bị thiệt hại, ông P đã ký hợp đồng sửa chữa Sà lan SG 9743 với Công ty TNHH MTV - số tiền là 200.346.000 đồng. Ông P có yêu cầu ông N bồi thường tiền sửa chữa Sà lan hết 200.346.000 đồng là có căn cứ theo Điều 5 hợp đồng số 03/2023/HĐKT/TTS.

[2.5] Ông P yêu cầu ông N trả số tiền lãi chậm trả của số tiền thuê chậm trả do vi phạm thời hạn đối với số tiền 60.000.000 đồng từ ngày vi phạm nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11

tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “Thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác” nên tính thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc 60.000.000 đồng chưa trả bắt đầu tính từ ngày 07 tháng 9 năm 2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm 07 tháng 01 năm 2025, với mức lãi suất $10\%/năm = 0,83\%/tháng$ là đúng quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự. Cụ thể tính như sau: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 16 \text{ tháng} = 7.968.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền mà ông N phải trả cho ông P là 60.000.000 đồng tiền thuê còn nợ + 20.000.000 đồng tiền kéo Sà Lan + 200.346.000 đồng tiền sửa Sà lan + 7.968.000 đồng tiền lãi chậm trả = 288.314.000 đồng.

[2.6] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông N nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện trả tiền của ông P. Tòa án cũng đã thông báo hợp lệ cho ông N tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

[2.7] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ và đề nghị của Kiểm sát viên, việc ông Lưu Hữu P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn N phải thanh toán cho ông P số tiền 288.314.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P nên ông N phải chịu án dân sự sơ thẩm với số tiền 14.415.700 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 423, 472, 473, 474, 475, 476, 479, 481 và 482 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hữu P đối với ông Huỳnh Văn N.

1. Buộc ông Huỳnh Văn N phải trả cho ông Lưu Hữu P số tiền 288.314.000 (Hai trăm tám mươi tám triệu ba trăm mười bốn nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Văn N phải chịu 14.415.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo bản án: Án xử sơ thẩm báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CQTHA huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Đức

